TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2025/HS-ST
Ngày: 22-09-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hải Long – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Hải Phòng, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai, lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2025/HSST ngày 30 tháng 06 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 07 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Công S, sinh ngày 16 tháng 5 năm 1977, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Số A, tổ F, khu D, phường V, thành phố U nay là phường V, tỉnh Quảng Ninh; Giới tính: Nam; Căn cước công dân số: 022077007375. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc công ty D1. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Công G và bà Nguyễn Thị C; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ ba; Vợ là Lê Thị Hồng N; Bị cáo có ba con sinh các năm 2004, 2011, 2018; Tiền án tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chi cục thuế khu vực K (sau đó là Đội thuế liên huyện K – Chi cục thuế khu vực V) nay là Thuế cơ sở 13 – Hải Phòng. Vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

1. Lê Thị N1, sinh năm 1983;

2. Đào Xuân T, sinh năm 1981;

3. Nguyễn T3, sinh năm 1973;

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/8/2013, Nguyễn Công S làm thủ tục thành lập Công ty cổ phần S1 (viết tắt là Công ty S1), địa chỉ tại phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương nay là phường Phạm Sư M, thành phố Hải Phòng; Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sơ chế và kinh doanh than, kinh doanh vận tải, xây dựng, buôn bán vật liệu và một số ngành nghề khác. Nguyễn Công S thuê chị Lê Thị N1, đứng tên Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật làm thủ tục thành lập doanh nghiệp.

Ngày 31/5/2017, S đứng tên Giám đốc - người đại diện theo pháp luật làm thủ tục thành lập Công ty TNHH Một thành viên D1 (viết tắt là Công ty D1), địa chỉ tại phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương nay là phường Phạm Sư M, thành phố Hải Phòng; Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính: Khai thác, kinh doanh than và một số ngành nghề khác.

Công ty S1 và Dũng N2 đều kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực K (sau đó là Đội thuế liên huyện K – Chi cục thuế khu vực V) nay là Thuế cơ sở 13 – Hải Phòng theo phương pháp kê khai, khấu trừ thuế.

Từ tháng 8/2018 đến tháng 9/2019, Nguyễn Công S mua 6.079,87 tấn than không có hóa đơn, chứng từ của một số người không rõ tên tuổi, địa chỉ để bán cho các doanh nghiệp, thuê dịch vụ bốc xúc để bốc xúc, vận chuyển số than này từ bãi của Công ty S1 cho khách hàng. Để có hóa đơn GTGT kê khai thuế, S mua 21 hóa đơn GTGT khống với giá 03% tiền hàng ghi trên hóa đơn của 03 công ty: X, H, T của người tên T1 ở thành phố Hải Phòng (không rõ nhân thân, lai lịch). Trong đó: Công ty X (03 số), Hoàng D (04 số), Tiên T2 (05 số) với tổng giá trị tiền hàng: 5.163.052.912 đồng, tiền thuế GTGT: 516.305.292 đồng; tổng cộng số tiền thanh toán: 5.679.358.204 đồng kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty S1 tại kỳ kê khai thuế GTGT quý IV năm 2018, các tháng 1, 7, 8, 9, 10, 11, 12 năm 2019; sử dụng 09 hóa đơn của 02 công ty: Xuân Hiền (01 số), Tiên T2 (08 số) với tổng giá trị tiền hàng: 817.855.574 đồng, tiền thuế GTGT: 81.785.557 đồng; tổng cộng số tiền thanh toán: 899.641.131 đồng kê khai thuế GTGT đầu vào của Công ty D1 tại kỳ kê khai thuế GTGT quý IV năm 2018, các tháng 5, 9 năm 2019.

Trong tháng 11 và 12/2019, S mua 4.612,18 tấn than không có hóa đơn, chứng từ của Đào Xuân T, sinh năm: 1981, địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh

Thái Bình; Nguyễn T3, sinh năm: 1973, địa chỉ: Tổ E, khu E, P. C, TP ., tỉnh Quảng Ninh và một số người khác không rõ tên tuổi, địa chỉ để bán cho các doanh nghiệp. Để có hóa đơn GTGT kê khai thuế, S mua của T1 (nêu trên) 26 hóa đơn không có hàng hóa kèm theo với giá 03% tiền hàng ghi trên hóa đơn. Trong đó, Công ty S1 sử dụng 17 hóa đơn của 04 công ty: Xuân Hiền (01 số), Cường Thuận P (04 số), Hoàng D (04 số), Tiên T2 (08 số) với tổng giá trị tiền hàng: 29.794.953.305 đồng, tiền thuế GTGT: 2.979.495.332 đồng; tổng cộng số tiền thanh toán: 32.774.448.637 đồng, kê khai đầu vào tại kỳ kê khai thuế GTGT tháng 12/2019; Công ty D1 sử dụng 09 hóa đơn của 03 công ty: Tiên Tiến (03 số), Xuân H (05 số), Cường Thuận P (01 số) với tổng giá trị tiền hàng: 19.674.938.330 đồng, tiền thuế GTGT: 1.967.493.833 đồng; tổng cộng số tiền thanh toán: 21.642.432.163 đồng, kê khai đầu vào tại kỳ kê khai thuế GTGT tháng 5, 7, 10, 11, 12 năm 2019.

Việc thu giữ, quản lý vật chứng, tài liệu, đồ vật và Kết luận giám định:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H nay là thành phố Hải Phòng quản lý Bản gốc 19 quyển Hóa đơn giá trị gia tăng mẫu số 01GTKT3/002, ký hiệu PN/15P (từ quyển số 1 đến quyển số 19 gồm 950 số hóa đơn) của Công ty S1; các biên bản, tài liệu về đo đạc, giám định than; Chứng thư giám định, Biên bản kẹp chì của Công ty V1, người yêu cầu là Công ty S1 (132 tờ);

Tại các Kết luận giám định ngày 26/12/2024, ngày 06/01/2025, ngày 11/4/2025, ngày 13/6/2025 của Cục thuế tỉnh H nay là thành phố Hải Phòng, xác định:

Công ty S1 do Nguyễn Công S điều hành sử dụng 29 hóa đơn giá trị gia tăng không hợp pháp của Công ty TNHH T5 (08 số), Công ty TNHH T6 (13 số), Công ty TNHH X (04 số) và Công ty TNHH P1 (04 số) để kê khai khấu trừ giá trị gia tăng là hành vi trốn thuế, việc kê khai khấu trừ đã làm tăng số tiền thuế GTGT được khấu trừ số tiền **3.495.800.624 đồng**; Công ty D2 Nguyễn Công S điều hành sử dụng 18 hóa đơn GTGT không hợp pháp của Công ty TNHH T6 (11 số), Công ty TNHH X (06 số), Công ty TNHH P1 (01 số) để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng là hành vi trốn thuế, việc kê khai khấu trừ đã làm tăng số tiền thuế GTGT được khấu trừ số tiền **2.049.279.390 đồng**;

Kết luận giám định số 53 ngày 12/3/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H xác định: Chữ ký đứng tên Nguyễn Công S trên 06 tài liệu giám định là của Nguyễn Công S;

Ngày 26/4/2025, Nguyễn Công S nộp **500.000.000 đồng** tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương để khắc phục hậu quả.

Tại Bản Cáo trạng số 66/CT-VKS-P1 ngày 27 tháng 06 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố: Bị cáo **Nguyễn Công S** về tội Trốn thuế, quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi như cáo trạng truy tố. Bị cáo không bị oan. Đã khắc phục phần lớn hậu quả của vụ án, nộp lại vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 4.000.000.000 đồng mà trước đây bị cáo được khấu trừ thuế do mua hóa đơn khống. Bị cáo nhận thức được sai lầm của mình và rất ăn năn, hối hận. Bị cáo đề nghị được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền để bị cáo có cơ hội điều hành doanh nghiệp, khắc phục hậu quả cho Ngân sách Nhà nước.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 200, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công S hình phạt chính là phạt tiền với số tiền từ 1.800.000.000 đồng đến 2.500.000.000đồng về tội Trốn thuế. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về xử lý vật chứng: Lưu giữ các hóa đơn giá trị gia tăng trong hồ sơ làm chứng cứ giải quyết vụ án; Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 5.545.080.014 đồng; Bị cáo đã nộp 4.000.000.000đồng, còn phải nộp tiếp số tiền 1.545.080.014đồng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, các tài liệu do cơ quan thuế cung cấp, các hóa đơn GTGT đã thu giữ, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 4/2019 đến tháng 12/2019, Nguyễn Công S đã mua 47 hoá đơn GTGT khống của 04 Công ty (gồm: Công ty TNHH X, Công ty TNHH P1, Công ty TNHH T5 và Công ty TNHH T6) để Công ty CP S1 và Công ty TNHH MTV D1 (đều do Nguyễn Công S điều

hành) kê khai khấu trừ thuế GTGT tại Chi cục thuế khu vực K (sau đó là Đội thuế liên huyện K – Chi cục thuế khu vực V) nay là Thuế cơ sở 13 – Hải Phòng cho số than mua vào không có hoá đơn, chứng từ, trốn thuế tổng số tiền 5.545.080.014 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý thuế và hoạt động thu ngân sách Nhà nước dẫn đến thất thu ngân sách, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, an sinh xã hội của đất nước, của địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân nhận thức rõ việc mua hóa đơn GTGT không có hàng hóa kèm theo, sử dụng bất hợp pháp các hóa đơn đó để làm thủ tục kê khai thuế và đề nghị Chi cục thuế khu vực K (sau đó là Đội thuế liên huyện K – Chi cục thuế khu vực V) nay là Thuế cơ sở 13 – Hải Phòng làm tăng số tiền thuế GTGT được khấu trừ cho bị cáo là hành vi bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý với mục đích tư lợi cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trốn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người có nhân thân tốt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ thực sự ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp lại số tiền 4.000.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm của mình, đã đầu thú tại cơ quan công an nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần đều cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng đối với bị cáo.

[7] *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:* Lưu giữ tại hồ sơ vụ án những hóa đơn GTGT đã thu giữ làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo; Tịch thu số tiền 4.000.000.000đồng bị cáo đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và tịch thu số tiền 1.545.080.014 đồng bị cáo chưa nộp để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] *Về những nội dung khác có liên quan đến vụ án*:

Đối với Lê Thị N1 là giám đốc của Công ty S1; Nguyễn Đình T3 - kế toán trưởng, Lê Thị N3 - kế toán tổng hợp của Công ty S1 và Lê Thị N1 - kế toán của Công ty D1 không biết S phạm tội nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi của Thái Văn T4 bán trái phép hóa đơn cho Nguyễn Công S đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử tại Bản án số 22/2022/HS-ST ngày 26/4/2022.

Đối với 02 Công ty T6, Hoàng D đăng ký kinh doanh tại TP . nhưng không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, có dấu hiệu hoạt động mua bán trái phép hóa đơn, Cơ quan CSĐT Công an T đang giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với pháp nhân thương mại: Công ty Cổ phần S1 và Công ty TNHH Một thành viên D1 đều do Nguyễn Công S trực tiếp điều hành và thụ hưởng. Do vậy, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại: Công ty Cổ phần S1 và Công ty TNHH Một thành viên D1.

Quá trình điều tra còn xác định: Công ty TNHH MTV T7 và Công ty TNHH MTV T8 mua than của Công ty D1, Phúc N4 có dấu hiệu trốn thuế và Mua bán hóa đơn, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H nay là thành phố Hải Phòng tách hành vi, tài liệu để xem xét xử lý sau là phù hợp.

[10] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án và phần Bản án có liên quan theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35; Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công S phạm tội Trốn thuế.

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công S 1.800.000.000đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng)

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Xác nhận Nguyễn Công S đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000.000đồng theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTT/23, số 000 3086 ngày 26/04/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương và số tiền 3.500.000.000đồng theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTT/25E, số 0000820 ngày 19/09/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Buộc bị cáo phải nộp tiếp số tiền 1.545.080.014 đồng (một tỷ năm trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn không trăm mười bốn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

- Lưu giữ tại hồ sơ vụ án các hóa đơn GTGT đã thu giữ.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15*(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:
- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PC10 Công an TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam CATP;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Hằng